

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 19C1, 19C3 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT 3 _ XÉT THÁNG 7/2022**

(Kèm theo Quyết định số 365/QĐ-LTT-ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
1	16003402	Hà Đăng	Quý	Nam	06/11/1997	Bình Phước	16CD-ĐTCN1	5.99	Trung bình	A	B
2	17002871	Nguyễn Phước	Hiệp	Nam	18/4/1999	Bình Định	17C1-CCK6	5.70	Trung bình	A	B
3	17001756	Trần Phương	Nam	Nam	01/9/1999	Bình Phước	17C1-CNÔ9	6.47	Trung bình	A	B
4	17002262	Nguyễn Lương Anh	Ngọc	Nam	18/6/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	17C1-CTM1	5.58	Trung bình	A	B
5	17002353	Hồ Đình	Phát	Nam	01/11/1999	Ninh Thuận	17C1-ĐCN2	6.54	Trung bình		B
6	17000799	Quách Cao	Đạt	Nam	20/4/1999	Bình Định	17C1-ĐĐT1	6.32	Trung bình	A	B
7	17002589	Trương Minh	Hiếu	Nam	30/7/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	17C1-ĐĐT2	6.12	Trung bình		B
8	17004304	Phạm Anh	Vũ	Nam	12/9/1998	Lâm Đồng	17C1-ĐĐT4	6.36	Trung bình	A	B
9	18003774	Nguyễn Văn	Phát	Nam	23/7/2000	Bình Phước	18C1-BCN1	6.31	Trung bình	A	B
10	18004553	Nguyễn Lê Minh	Mẫn	Nam	20/6/1999	Long An	18C1-CCK3	6.21	Trung bình	A	B
11	18002665	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	15/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK3	6.79	Trung bình	A	B
12	18002658	Đình Anh	Tú	Nam	15/8/2000	Bình Thuận	18C1-CCK3	6.29	Trung bình		B
13	18003517	Nguyễn Chí	Hiếu	Nam	14/02/2000	Tiền Giang	18C1-CCK4	6.62	Trung bình	A	B
14	18003163	Trần Văn Anh	Thuận	Nam	30/8/2000	Bình Thuận	18C1-CCK4	6.69	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
15	18005082	Nguyễn Xuân	Hiệp	Nam	11/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK6	6.67	Trung bình	A	B
16	18004479	Trần Thanh	Quân	Nam	24/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK7	6.36	Trung bình	A	B
17	18003636	Huỳnh Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	10/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNM1	6.75	Trung bình	A	B
18	18000586	Lê Đặng Trường	Vũ	Nam	20/02/1999	Đồng Tháp	18C1-CNÔ1	6.36	Trung bình		
19	18002761	Nguyễn Văn	Bình	Nam	27/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ13	6.07	Trung bình	A	B
20	18003653	Trần Đình Nam	A	Nam	19/12/1999	Bình Dương	18C1-CNÔ2	6.19	Trung bình	A	B
21	18001483	Nguyễn Nhật	Hiển	Nam	31/10/2000	Bến Tre	18C1-CNÔ3	6.12	Trung bình		B
22	18003111	Phạm Trung	Hiếu	Nam	15/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ7	6.02	Trung bình	A	B
23	18002246	Phan Văn Trường	Khang	Nam	08/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ9	6.06	Trung bình	A	B
24	18002004	Trần Tuấn	Mỹ	Nam	17/11/1999	Bến Tre	18C1-ĐCN1	5.92	Trung bình		B
25	18003522	Ngụy Thanh	Quang	Nam	16/8/2000	Bình Định	18C1-ĐCN3	5.78	Trung bình	A	B
26	18004787	Nguyễn Ngọc	Tiền	Nam	18/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-ĐCN4	6.25	Trung bình	A	B
27	18004053	Nguyễn Minh	Tân	Nam	13/02/1999	Cà Mau	18C1-ĐĐT2	6.95	Trung bình	A	B
28	18002963	Trần Trung	Tín	Nam	02/02/2000	Bình Định	18C1-KML2	6.70	Trung bình		
29	18003188	Trần Công	Tiến	Nam	03/7/2000	Bình Phước	18C1-KXD1	5.78	Trung bình	A	B
30	18004770	Nguyễn Việt	Hung	Nam	20/11/1999	Nam Định	18C1-TĐH1	5.70	Trung bình		B
31	18001775	Tăng Trịnh Văn	Khang	Nam	08/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TĐH1	5.69	Trung bình	A	B
32	18001211	Chiêu Nguyễn Anh	Khoa	Nam	27/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TĐH1	5.85	Trung bình	A	B
33	19002206	Huỳnh Trọng	Nghĩa	Nam	14/12/2001	Long An	19C1-BCN1	6.95	Trung bình		B
34	19002205	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	25/9/2001	Long An	19C1-BCN1	6.95	Trung bình		B
35	19001986	Nguyễn Lê Quốc	Thái	Nam	29/01/2001	Long An	19C1-BCN1	6.51	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
36	19003079	Trần Quốc	Toàn	Nam	02/4/2001	Tây Ninh	19C1-BCN1	7.26	Khá	A	B
37	19002357	Thới Huy	Bảo	Nam	10/02/2001	Bình Thuận	19C1-CCK1	6.38	Trung bình	A	B
38	19002513	Võ Duy	Cường	Nam	14/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	6.08	Trung bình	A	B
39	19001923	Trần Văn	Khải	Nam	18/8/2000	Long An	19C1-CCK1	6.00	Trung bình	A	B
40	19003452	Phạm Minh	Khoa	Nam	31/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	6.06	Trung bình	A	B
41	19002074	Võ Thành	Nhật	Nam	18/7/2001	Long An	19C1-CCK1	6.51	Trung bình	A	B
42	19005373	Nguyễn Văn	Quang	Nam	10/3/2001	Hà Tĩnh	19C1-CCK1	7.02	Khá	A	B
43	19001871	Nguyễn Ngọc	Thời	Nam	22/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	7.27	Khá	A	B
44	19003038	Lê Phương Vĩ	An	Nam	09/10/2001	Tây Ninh	19C1-CCK3	6.63	Trung bình	A	
45	19002916	Nguyễn Anh	Đức	Nam	03/10/2001	Bình Thuận	19C1-CCK3	6.42	Trung bình		B
46	19003011	Lê Thanh	Quý	Nam	02/01/2001	Bình Định	19C1-CCK3	5.60	Trung bình		B
47	19001880	Nguyễn Thế	Quý	Nam	08/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK3	5.85	Trung bình		B
48	19003177	Phạm Minh	Thuận	Nam	05/12/2001	Bến Tre	19C1-CCK3	7.06	Khá		
49	19003560	Nguyễn Đình	Văn	Nam	13/7/2001	Bình Định	19C1-CCK4	7.46	Khá		
50	19004238	Đình Quốc	Bảo	Nam	01/01/2001	Bình Định	19C1-CCK5	6.33	Trung bình		
51	19000526	Bùi Anh	Tuấn	Nam	20/5/2000	Tây Ninh	19C1-CCK5	7.40	Khá	A	B
52	19004014	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	01/12/2001	Đắk Lắk	19C1-CĐT1	6.99	Trung bình		B
53	19003258	Nguyễn Văn Hoài	Nam	Nam	11/3/1998	Bình Thuận	19C1-CĐT1	7.98	Khá	A	B
54	19004145	Nguyễn Đức	Đạt	Nam	07/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNL1	6.02	Trung bình		
55	19002598	Đình Văn	Hiếu	Nam	09/4/2001	Đắk Lắk	19C1-CNL1	7.00	Khá	A	B
56	19005222	Nguyễn Khánh	Linh	Nam	19/5/2001	Hậu Giang	19C1-CNL1	6.68	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
57	19004515	Ha	Công	Nam	24/7/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ1	6.95	Trung bình	A	B
58	19000111	Bùi Tiến	Đạt	Nam	26/11/1999	Bình Phước	19C1-CNÔ1	6.42	Trung bình		B
59	19000041	Mạc Huỳnh Quốc	Huy	Nam	07/10/1999	Bến Tre	19C1-CNÔ1	7.35	Khá	A	B
60	19004507	Nguyễn Văn	Nam	Nam	23/10/2001	Bắc Ninh	19C1-CNÔ1	7.43	Khá	A	B
61	19004494	Nguyễn Bảo	Thắng	Nam	01/3/1999	An Giang	19C1-CNÔ1	6.93	Trung bình		
62	19000042	Nguyễn Thị Đình	Trúc	Nữ	03/9/2000	Bến Tre	19C1-CNÔ1	7.99	Khá	A	B
63	19004760	Đặng Văn	Trường	Nam	28/12/2000	Hải Dương	19C1-CNÔ1	7.27	Khá	A	B
64	19004351	Phạm Văn	Tuấn	Nam	30/01/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ1	7.24	Khá		B
65	19003380	Trần Việt	Hào	Nam	31/10/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ2	6.56	Trung bình		B
66	19001543	Trần Ngọc	Hậu	Nam	01/01/2001	Long An	19C1-CNÔ2	7.40	Khá		B
67	19003367	Nguyễn Minh	Hiền	Nam	19/8/2000	Bình Thuận	19C1-CNÔ2	6.32	Trung bình		B
68	19001720	Nguyễn Văn	Hữu	Nam	17/12/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ2	6.76	Trung bình		B
69	19001794	Phan Văn	Huy	Nam	22/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ2	6.81	Trung bình		B
70	19003525	Nguyễn Vũ Anh	Khoa	Nam	27/10/2000	Kiên Giang	19C1-CNÔ2	6.44	Trung bình		B
71	19003419	Vũ Thanh	Lâm	Nam	16/8/2000	Gia Lai	19C1-CNÔ2	7.17	Khá		B
72	19003479	Trần Ngọc	Lễ	Nam	16/12/2001	Long An	19C1-CNÔ2	6.41	Trung bình		B
73	19001726	Nguyễn Minh	Luân	Nam	22/01/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ2	6.39	Trung bình		B
74	19001844	Nguyễn Văn	Phát	Nam	24/5/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ2	7.46	Khá		B
75	19001506	Nguyễn Văn	Tân	Nam	26/6/2001	Ninh Thuận	19C1-CNÔ2	6.85	Trung bình		B
76	19002032	Đỗ Minh	Trường	Nam	15/4/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ2	6.58	Trung bình		B
77	19001962	Trương Hồ Nhật	Trường	Nam	13/7/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ2	7.08	Khá		B

STT	Mã SV	Họ đệm Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
78	19001971	Hoàng Đình	Bảo	Nam	10/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.19	Trung bình	A	B
79	19001875	Lê Huỳnh	Đăng	Nam	24/3/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ3	6.77	Trung bình	A	B
80	19001869	Quách Thái Minh	Hà	Nam	08/5/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ3	6.34	Trung bình	A	
81	19001943	Nông Duy	Khánh	Nam	09/10/2000	Đắk Nông	19C1-CNÔ3	6.26	Trung bình	A	B
82	19001973	Phạm Công	Lý	Nam	25/8/2000	Cà Mau	19C1-CNÔ3	6.25	Trung bình	A	B
83	19001873	Hồ Huỳnh Bảo	Minh	Nam	24/01/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ3	6.28	Trung bình	A	B
84	19003482	Lê Thanh Hoàn	Nguyễn	Nam	19/10/2001	Long An	19C1-CNÔ3	6.10	Trung bình	A	B
85	19003485	Trương Nguyễn Thanh	Phát	Nam	18/7/2001	Long An	19C1-CNÔ3	6.57	Trung bình	A	B
86	19001899	Nguyễn Tấn	Phong	Nam	15/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	6.31	Trung bình	A	B
87	19003468	Trương Quốc	Phong	Nam	25/01/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ3	7.43	Khá	A	B
88	19003437	Phạm Minh	Son	Nam	29/01/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ3	6.51	Trung bình	A	B
89	19005407	Lê Tấn	Thành	Nam	06/12/1995	Đà Nẵng	19C1-CNÔ3	6.91	Trung bình	A	B
90	19003357	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	19/4/2001	An Giang	19C1-CNÔ3	6.51	Trung bình		B
91	19003461	Nguyễn Minh	Trái	Nam	17/4/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ3	6.40	Trung bình	A	B
92	19001932	Mai Huỳnh Hoàng	Triệu	Nam	06/8/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ3	6.73	Trung bình	A	B
93	19001861	Phạm Hồng	Trọng	Nam	28/5/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ3	6.63	Trung bình	A	B
94	19003458	Ngô Hoàng	Văn	Nam	30/5/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ3	6.29	Trung bình		B
95	19001889	Phan Hoài	Vũ	Nam	12/3/2000	Bình Thuận	19C1-CNÔ3	6.93	Trung bình	A	
96	19002057	Nguyễn Nhựt	Hào	Nam	25/6/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	6.39	Trung bình		
97	19002004	Huỳnh Hiếu	Kiệt	Nam	25/7/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ4	6.52	Trung bình	A	B
98	19001981	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	12/7/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ4	6.68	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
99	19001997	Trần Đông	Quân	Nam	04/01/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	7.96	Khá	A	B
100	19002001	Phạm Ngọc	Thạch	Nam	02/6/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	7.70	Khá	A	B
101	19001998	Nguyễn Hoàng Minh	Vương	Nam	16/4/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ4	7.20	Khá	A	B
102	19002095	Nguyễn Văn	Bình	Nam	24/6/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-CNÔ5	6.25	Trung bình		B
103	19002210	Hồ Thế	Dân	Nam	05/8/2001	Bình Dương	19C1-CNÔ5	7.93	Khá	A	B
104	19002208	Nguyễn Văn	Đảng	Nam	08/11/2001	Long An	19C1-CNÔ5	7.32	Khá		B
105	19002173	Nguyễn Văn	Huy	Nam	02/10/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	7.11	Khá		B
106	19002124	Lê Nguyên	Phát	Nam	20/02/2001	Kiên Giang	19C1-CNÔ5	6.05	Trung bình		B
107	19002299	Hồ Minh	Phụng	Nam	07/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	6.89	Trung bình		B
108	19003707	Huỳnh	Phương	Nam	25/10/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-CNÔ5	7.14	Khá	A	B
109	19002200	Dương Ngọc	Quý	Nam	23/9/2001	Bắc Giang	19C1-CNÔ5	7.38	Khá	A	
110	19002135	Nguyễn Hoàng	Sậm	Nam	05/6/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ5	6.82	Trung bình	A	B
111	19002137	Trần Thanh	Sang	Nam	25/11/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	7.62	Khá	A	B
112	19003733	Trang Văn	Thạch	Nam	08/9/2001	Gia Lai	19C1-CNÔ5	7.25	Khá	A	B
113	19002207	Trần Ngân	Thanh	Nam	01/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ5	7.31	Khá	A	
114	19003713	Nguyễn Đức	Tiến	Nam	05/8/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ5	6.47	Trung bình		B
115	19003727	Hoàng Trung	Tín	Nam	02/9/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ5	7.25	Khá		B
116	19003721	Bùi Trần Hường	Tinh	Nam	11/11/2001	An Giang	19C1-CNÔ5	7.17	Khá	A	B
117	19002145	Nguyễn Đăng	Triệu	Nam	12/7/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	6.87	Trung bình	A	B
118	19003849	Nguyễn Vũ Tuấn	Anh	Nam	22/6/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ6	6.86	Trung bình	A	B
119	19002294	Nguyễn Quốc	Dương	Nam	03/6/2001	Vĩnh Long	19C1-CNÔ6	7.25	Khá	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
120	19002333	Nguyễn Hoàng	Phuong Khang	Nam	07/7/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ6	7.08	Khá	A	B
121	19002295	Lê Trung	Kiên	Nam	13/01/2001	Trà Vinh	19C1-CNÔ6	7.32	Khá	A	B
122	19002293	Nguyễn Hồng	Nguyên	Nam	07/5/2001	Vĩnh Long	19C1-CNÔ6	7.20	Khá	A	B
123	19002262	Nguyễn Võ Minh	Nguyên	Nam	09/6/2001	Bắc Ninh	19C1-CNÔ6	5.94	Trung bình		B
124	19003828	Nguyễn Văn	Nhất	Nam	02/01/2000	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ6	6.14	Trung bình		B
125	19003949	Nguyễn Thành	Phú	Nam	04/4/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ6	6.54	Trung bình	A	
126	19002305	Nguyễn Thanh	Tiến	Nam	18/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	6.51	Trung bình		B
127	19002285	Phạm Hồng	Tú	Nam	16/10/2001	Quảng Nam	19C1-CNÔ6	6.12	Trung bình		B
128	19002381	Lê Đức	Ân	Nam	20/5/2001	An Giang	19C1-CNÔ7	6.78	Trung bình	A	B
129	19002345	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	02/9/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ7	6.86	Trung bình	A	
130	19002451	Bùi Nhật	Hào	Nam	27/02/2001	Long An	19C1-CNÔ7	6.44	Trung bình		B
131	19002415	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	15/12/2001	Trà Vinh	19C1-CNÔ7	7.48	Khá	A	B
132	19002389	Trần Văn Trường	Khang	Nam	09/07/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ7	6.64	Trung bình		B
133	19002361	Bùi Nguyễn Nhật	Thanh	Nam	22/10/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ7	6.68	Trung bình	A	
134	19003916	Ngô Hoàng	Thuận	Nam	13/7/2000	Bạc Liêu	19C1-CNÔ7	6.69	Trung bình		B
135	19002376	Lê Trung	Tín	Nam	17/5/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ7	6.91	Trung bình	A	B
136	19003944	Nguyễn Ngọc	Triệu	Nam	09/7/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ7	7.09	Khá	A	
137	19004193	Lê Quốc	Việt	Nam	10/3/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ7	6.72	Trung bình		
138	19002577	Châu Thế	Anh	Nam	13/4/2001	Trà Vinh	19C1-CNÔ8	7.08	Khá	A	B
139	19004221	Trịnh Công	Điểm	Nam	11/12/2001	Thái Bình	19C1-CNÔ8	7.76	Khá	A	B
140	19005324	Lưu Trung	Hiếu	Nam	07/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.13	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
141	19002560	Trần Trung	Hoan	Nam	14/7/2000	Đắk Lắk	19C1-CNÔ8	6.94	Trung bình		B
142	19005116	Trần Quốc	Hùng	Nam	08/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.19	Trung bình		B
143	19002492	Nguyễn Đức	Huy	Nam	22/4/2001	Đắk Lắk	19C1-CNÔ8	7.54	Khá	A	B
144	19002954	Thái Đăng	Huy	Nam	18/5/2000	Tiền Giang	19C1-CNÔ8	6.29	Trung bình	A	B
145	19002480	Huỳnh Vĩ	Khang	Nam	15/01/2000	Tây Ninh	19C1-CNÔ8	7.39	Khá		B
146	19005037	Trương Quốc	Khánh	Nam	14/12/1998	Trà Vinh	19C1-CNÔ8	6.45	Trung bình	A	B
147	19002567	Đinh	Lãm	Nam	17/01/2001	An Giang	19C1-CNÔ8	7.10	Khá		B
148	19005235	Đặng Quốc Hà	Nam	Nam	04/3/2000	Hà Tĩnh	19C1-CNÔ8	6.72	Trung bình	A	B
149	19002576	Nguyễn Lê Hoàng	Quân	Nam	01/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	6.80	Trung bình		B
150	19002484	Trần Phát	Tài	Nam	13/9/2001	Long An	19C1-CNÔ8	6.54	Trung bình		B
151	19002487	Hà Văn	Thoại	Nam	28/01/2000	Long An	19C1-CNÔ8	6.65	Trung bình		B
152	19002532	Nguyễn Đức	Tiến	Nam	07/3/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ8	7.02	Khá		B
153	19002482	Đặng Nhật	Trường	Nam	30/4/2001	Trà Vinh	19C1-CNÔ8	6.71	Trung bình		B
154	19005204	Nguyễn Bá	Vượng	Nam	02/8/1999	Đắk Lắk	19C1-CNÔ8	7.08	Khá	A	
155	19002752	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	16/11/2000	Tiền Giang	19C1-CNÔ9	6.60	Trung bình		
156	19002597	Mai Thanh	Châu	Nam	05/01/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ9	7.73	Khá	A	B
157	19004055	Nguyễn Huỳnh	Dương	Nam	20/10/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-CNÔ9	6.67	Trung bình		B
158	19003060	Phùng Văn	Hiếu	Nam	10/01/2001	Bình Phước	19C1-CNÔ9	7.15	Khá	A	B
159	19002976	Lê Duy	Khánh	Nam	18/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	6.25	Trung bình	A	
160	19002865	Nguyễn Văn Hoàng	Khiêm	Nam	13/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	6.10	Trung bình		B
161	19004217	Đào Đăng	Khôi	Nam	30/9/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ9	6.85	Trung bình	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
162	19003337	Bùi Văn	Minh	Nam	30/9/2000	Bình Phước	19C1-CNÔ9	6.06	Trung bình		
163	19003260	Hồ Chí	Nguyễn	Nam	30/9/2000	Bạc Liêu	19C1-CNÔ9	6.29	Trung bình	A	B
164	19002593	Nguyễn Võ Khắc	Nhật	Nam	16/02/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ9	6.11	Trung bình		
165	19004102	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	23/4/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ9	6.64	Trung bình		B
166	19004136	Nguyễn Tuấn	Phong	Nam	02/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	6.91	Trung bình		B
167	19002981	Vũ Văn	Quang	Nam	05/8/2001	Đắk Lắk	19C1-CNÔ9	7.11	Khá	A	B
168	19004066	Nguyễn Hữu	Quốc	Nam	17/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	7.00	Khá	A	B
169	19003074	Hồ Anh	Quý	Nam	01/8/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ9	6.79	Trung bình	A	B
170	19002621	Đinh Hoài	Sel	Nam	17/7/1997	An Giang	19C1-CNÔ9	7.16	Khá	A	B
171	19002662	Mai Thanh	Son	Nam	10/6/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-CNÔ9	6.50	Trung bình	A	B
172	19002643	Lê Thị Tuyết	Sương	Nữ	12/12/1999	Tây Ninh	19C1-CNÔ9	6.57	Trung bình		B
173	19003101	Nguyễn Hồng	Tiến	Nam	16/8/2001	Đắk Nông	19C1-CNÔ9	6.35	Trung bình	A	B
174	19004154	Lưu Đức	Toàn	Nam	21/9/2001	Gia Lai	19C1-CNÔ9	6.71	Trung bình	A	B
175	19002764	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	22/5/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ9	6.75	Trung bình		B
176	19002656	Đỗ Quang	Vinh	Nam	07/4/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ9	6.71	Trung bình		B
177	19002654	Lê Quốc	Duy	Nam	11/3/2001	Bình Phước	19C1-CTM1	6.36	Trung bình		B
178	19003352	Cao Bá	Nhật	Nam	22/4/2001	Quảng Bình	19C1-CTM1	6.28	Trung bình	A	B
179	19004590	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	10/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	6.15	Trung bình	A	B
180	19002672	Hoàng Thanh	Phong	Nam	18/9/2001	Bình Phước	19C1-CTM1	6.14	Trung bình		B
181	19003149	Trần Đình	Phuong	Nam	12/10/2001	Ninh Thuận	19C1-CTM1	6.60	Trung bình	A	B
182	19003515	Bùi Trí	Thức	Nam	17/4/2001	Cà Mau	19C1-CTM1	6.82	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
183	19002831	Huỳnh Quang	Vĩ	Nam	01/12/2000	Đắk Lắk	19C1-CTM1	6.02	Trung bình	A	B
184	19003023	Đinh Tuấn	Vũ	Nam	16/6/2000	Bình Định	19C1-CTM1	5.98	Trung bình	A	
185	19001908	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	11/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CTM1	6.96	Trung bình	A	B
186	19000098	Trịnh Tấn	An	Nam	04/3/1995	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	6.43	Trung bình	A	B
187	19002610	Đỗ Hoàng	Sơn	Nam	22/02/2001	An Giang	19C1-ĐCN1	6.50	Trung bình		B
188	19002693	Nguyễn Khánh Thành	Tâm	Nam	01/8/2001	Ninh Thuận	19C1-ĐCN1	7.28	Khá	A	B
189	19002990	Đặng Tấn	Thành	Nam	03/02/2001	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	6.69	Trung bình	A	
190	19000129	Nguyễn Thành	Thông	Nam	04/6/1994	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	7.73	Khá	A	B
191	19002989	Đặng Tấn	Trung	Nam	12/01/2001	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	6.54	Trung bình	A	B
192	19002909	Lê Bá Khánh	Trường	Nam	23/9/2000	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	6.26	Trung bình		B
193	19002565	Nguyễn Đình	Uy	Nam	10/11/2000	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	7.42	Khá	A	B
194	19003742	Trần Đức	Cường	Nam	02/12/2001	Bình Định	19C1-ĐCN2	6.28	Trung bình		B
195	19004223	Vũ Phi	Hậu	Nam	10/9/2000	Kon Tum	19C1-ĐCN2	5.74	Trung bình		
196	19003572	Đinh Công	Hung	Nam	17/3/2001	Bình Định	19C1-ĐCN2	6.98	Trung bình	A	B
197	19003472	Lê Khải	Huy	Nam	02/12/2001	Bình Thuận	19C1-ĐCN2	6.28	Trung bình		B
198	19003304	Nguyễn Đức	Huy	Nam	02/6/2001	Tiền Giang	19C1-ĐCN2	6.96	Trung bình	A	B
199	19005280	Nguyễn Phương	Trung	Nam	17/10/2001	Đắk Lắk	19C1-ĐCN2	7.50	Khá	A	B
200	19002771	Ngô Văn	An	Nam	10/02/2001	Bình Thuận	19C1-ĐĐT1	6.49	Trung bình		B
201	19001812	Khổng Minh	Đông	Nam	10/7/2001	Lâm Đồng	19C1-ĐĐT1	6.58	Trung bình		
202	19003974	Trương Việt	Hùng	Nam	28/12/2000	Đắk Nông	19C1-ĐĐT1	6.37	Trung bình	A	B
203	19002780	Phạm Phước	Khanh	Nam	02/10/2001	Đồng Tháp	19C1-ĐĐT1	5.83	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
204	19002753	Phan Hồ Duy	Khánh	Nam	13/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT1	6.72	Trung bình		B
205	19002717	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	Nam	01/10/2001	Đồng Tháp	19C1-ĐĐT1	6.22	Trung bình		B
206	19002452	Lữ Vũ	Luân	Nam	29/7/2001	Long An	19C1-ĐĐT1	6.41	Trung bình	A	B
207	19004039	Nguyễn Xuân	Minh	Nam	01/01/2001	Bình Thuận	19C1-ĐĐT1	6.43	Trung bình	A	B
208	19002282	Bùi Dương	Phú	Nam	28/7/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT1	6.62	Trung bình		B
209	19002962	Vũ Xuân	Thịnh	Nam	12/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT1	6.66	Trung bình		B
210	19003024	Nguyễn Trọng	Hòa	Nam	01/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT2	6.36	Trung bình		
211	19003277	Nguyễn Chí	Linh	Nam	13/5/2001	Đồng Tháp	19C1-ĐĐT2	6.25	Trung bình		
212	19003790	Đinh Nguyễn Công	Minh	Nam	18/7/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-ĐĐT2	8.41	Giỏi	A	B
213	19005271	Nguyễn Vũ Ân	Phúc	Nam	22/10/1997	Ninh Thuận	19C1-ĐĐT2	6.20	Trung bình		
214	19004216	Võ Duy	Thanh	Nam	10/5/2001	Tây Ninh	19C1-ĐĐT2	6.93	Trung bình	A	B
215	19003025	Bùi Văn	Trường	Nam	17/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT2	6.41	Trung bình		
216	19003670	Nguyễn Minh	Tuyền	Nam	14/5/2001	Long An	19C1-ĐĐT2	6.86	Trung bình	A	B
217	19002797	Huỳnh Kim	Bảo	Nam	12/6/2001	Quảng Ngãi	19C1-KML1	6.19	Trung bình		B
218	19003158	Đặng Tấn	Hoàng	Nam	08/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-KML1	6.23	Trung bình	A	
219	19002192	Phạm Tùng	Khoa	Nam	20/8/2001	Bình Định	19C1-KML1	6.31	Trung bình		B
220	19002784	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	20/3/2001	Bình Định	19C1-KML1	6.42	Trung bình	A	B
221	19003012	Nguyễn Đình Hoàng	Trang	Nam	15/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	7.12	Khá	A	B
222	19001741	Nguyễn Đức	Trung	Nam	14/5/2001	Đồng Nai	19C1-KML1	6.64	Trung bình	A	B
223	19004244	Mai Dĩ	Khang	Nam	07/9/2000	Long An	19C1-KML2	6.80	Trung bình		B
224	19003744	Lê Thành	Khôi	Nam	22/02/2001	Tây Ninh	19C1-KML2	6.82	Trung bình	A	B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
225	19003274	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	12/9/2001	Lâm Đồng	19C1-KML2	6.49	Trung bình	A	B
226	19004634	Lê Hoàng	Phúc	Nam	22/12/2001	An Giang	19C1-KML2	8.34	Giỏi	A	B
227	19003340	Nguyễn Thanh	Quý	Nam	02/3/2001	Phú Yên	19C1-KML2	7.39	Khá	A	B
228	19004053	Trần Văn	Thái	Nam	28/01/2001	Bến Tre	19C1-KML2	6.70	Trung bình		B
229	19004352	Lê Gia	Bảo	Nam	11/11/2001	Bình Định	19C1-LĐL1	6.80	Trung bình		
230	19004027	Nguyễn Trí	Đạt	Nam	16/12/2001	Bạc Liêu	19C1-LĐL1	6.68	Trung bình		B
231	19004305	Võ Anh	Kiệt	Nam	07/5/2001	Phú Yên	19C1-LĐL1	6.70	Trung bình	A	B
232	19003551	Đỗ Trung	Quân	Nam	17/3/2001	Quảng Nam	19C1-LĐL1	6.68	Trung bình		B
233	19004462	Lê Thái	Sang	Nam	01/7/2001	Quảng Ngãi	19C1-LĐL1	6.67	Trung bình	A	B
234	19003562	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	25/6/2001	Kiên Giang	19C1-LĐL1	6.67	Trung bình	A	B
235	19003124	Nguyễn Phương Thành	Tín	Nam	16/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LĐL1	7.02	Khá		B
236	19003994	Trần Thảo Trâm	Anh	Nữ	26/7/2000	Lâm Đồng	19C1-NNA1	7.49	Khá		
237	19004147	Nguyễn Văn Bảo	Châu	Nam	09/7/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	7.79	Khá	A	B
238	19002435	Hoàng Minh	Đông	Nam	20/4/2001	Long An	19C1-TĐH1	6.26	Trung bình		B
239	19005019	Lê Văn	Đông	Nam	17/6/2001	Tiền Giang	19C1-TĐH1	7.68	Khá	A	B
240	19003703	Nguyễn Bá	Duy	Nam	06/7/2001	Quảng Ngãi	19C1-TĐH1	6.48	Trung bình	A	B
241	19002476	Nguyễn Châu	Giang	Nam	25/11/2001	Bến Tre	19C1-TĐH1	7.02	Khá		B
242	19003528	Trần Minh	Hiếu	Nam	13/8/2001	Lâm Đồng	19C1-TĐH1	6.13	Trung bình	A	B
243	19002900	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	18/10/2001	Bình Thuận	19C1-TĐH1	7.11	Khá	A	B
244	19002794	Nguyễn Chiêu	Linh	Nam	09/01/2001	Long An	19C1-TĐH1	6.59	Trung bình		B
245	19003029	Huỳnh Hữu	Lộc	Nam	15/4/2001	An Giang	19C1-TĐH1	6.28	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
246	19004660	Nguyễn Văn	Lý	Nam	31/10/2001	Bình Phước	19C1-TĐH1	6.67	Trung bình	A	B
247	19004291	Nguyễn Duy	Nam	Nam	21/11/2000	Lâm Đồng	19C1-TĐH1	7.16	Khá	A	B
248	19003125	Trần Minh	Tâm	Nam	18/02/2001	Tiền Giang	19C1-TĐH1	6.67	Trung bình	A	B
249	19003704	Trần Văn	Thùy	Nam	08/01/2001	Bình Định	19C1-TĐH1	6.82	Trung bình	A	B
250	19004350	Đặng Đức	Tiên	Nam	20/02/2001	Bình Định	19C1-TĐH1	6.36	Trung bình		B
251	19002252	Phạm Trung	Tính	Nam	08/12/2001	Long An	19C1-TĐH1	6.05	Trung bình	A	B
252	19004359	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	15/5/2001	Đắk Lắk	19C1-TĐH1	6.69	Trung bình	A	B
253	19002634	Nguyễn Lộc	An	Nam	19/10/2001	Quảng Ngãi	19C1-VSL1	6.31	Trung bình	A	B
254	19003118	Nguyễn Trường	Thành	Nam	22/6/2001	Tiền Giang	19C1-VSL1	7.07	Khá	A	B
255	19002668	Lữ Quang	Trung	Nam	19/4/2001	Quảng Ngãi	19C1-VSL1	6.59	Trung bình	A	B
256	19003991	Lương Quốc	Duy	Nam	12/5/2000	An Giang	19C1-VSL2	7.07	Khá	A	B
257	19005024	Nguyễn Thanh	Lợi	Nam	16/8/2001	Bình Định	19C1-VSL2	6.24	Trung bình		B
258	19003233	Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	11/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	6.36	Trung bình	A	B
259	19003256	Đặng Thanh	Toàn	Nam	05/02/2000	Long An	19C1-VSL2	6.36	Trung bình	A	B
260	19003664	Trần Ngọc	Tú	Nam	08/8/2001	Bình Thuận	19C1-VSL2	6.82	Trung bình	A	B
261	19003698	Trần Vĩ	Khan	Nam	06/02/2001	Bến Tre	19C3-CCK1	6.93	Trung bình	A	
262	19002578	Huỳnh Nhật	Hào	Nam	29/10/2001	Bến Tre	19C3-CNÔ2	7.14	Khá	A	
263	19001945	Nguyễn Duy	Khang	Nam	01/01/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C3-CNÔ2	7.59	Khá	A	
264	19005147	Nguyễn Xuân	Tinh	Nam	15/7/2001	Đồng Tháp	19C3-CNÔ2	7.47	Khá		
265	19002580	Lê Tùng	Truyền	Nam	22/10/2000	Quảng Ngãi	19C3-CNÔ2	6.54	Trung bình	A	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
266	19004177	Tào Đức	Anh	Nam	18/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK2	5.87	Trung bình		B
267	19002649	Nguyễn Việt	Cường	Nam	03/8/2001	Tây Ninh	19C1-CCK2	6.65	Trung bình		B
268	19002699	Phạm Tấn	Cường	Nam	11/6/2001	Tây Ninh	19C1-CCK2	7.04	Khá	A	B
269	19002725	Nguyễn Minh	Điền	Nam	19/5/2001	Long An	19C1-CCK2	6.51	Trung bình	A	B
270	19002664	Trần Phước	Định	Nam	10/4/2001	Long An	19C1-CCK2	6.31	Trung bình	A	B
271	19002548	Phạm Ngọc	Hải	Nam	22/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK2	7.32	Khá	A	B
272	19002622	Nguyễn Chí	Hiếu	Nam	04/02/2001	Đồng Tháp	19C1-CCK2	6.74	Trung bình	A	B
273	19002907	Trần Công	Huân	Nam	06/5/2001	Đồng Nai	19C1-CCK2	6.32	Trung bình	A	B
274	19002724	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	26/02/2001	Bình Thuận	19C1-CCK2	6.60	Trung bình		B
275	19002777	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	02/01/2001	Kiên Giang	19C1-CCK2	6.83	Trung bình	A	B
276	19003750	Bùi Chánh	Khang	Nam	12/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK2	6.91	Trung bình		B
277	19002553	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	23/9/2001	Vĩnh Long	19C1-CCK2	6.34	Trung bình		B
278	19003632	Nguyễn Thanh	Lịch	Nam	10/3/2001	Quảng Ngãi	19C1-CCK2	7.54	Khá		B
279	19002627	Cao Tấn	Lộc	Nam	26/3/2001	Long An	19C1-CCK2	7.03	Khá	A	B
280	19002879	Phan Minh	Nhân	Nam	07/02/2001	Bến Tre	19C1-CCK2	6.40	Trung bình	A	B
281	19003926	Trần Tấn	Phát	Nam	10/8/2001	Bến Tre	19C1-CCK2	7.16	Khá		B
282	19002689	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	10/4/2001	Tây Ninh	19C1-CCK2	7.12	Khá	A	B
283	19004022	Nguyễn Trần Thiên	Phúc	Nam	30/6/2001	Tiền Giang	19C1-CCK2	7.36	Khá		B
284	19002713	Phạm Thành	Tài	Nam	21/4/2001	Tây Ninh	19C1-CCK2	6.81	Trung bình	A	B
285	19002899	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	10/4/2001	Quảng Ngãi	19C1-CCK2	6.51	Trung bình		
286	19002802	Lê Minh	Thịnh	Nam	26/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK2	6.55	Trung bình		B
287	19002594	Hồ Thanh	Tú	Nam	31/5/2000	Bến Tre	19C1-CCK2	6.37	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
288	19004940	Lâm Nguyễn Bình	Hân	Nam	26/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KXD1	6.00	Trung bình	A	B
289	19003351	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	28/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KXD1	7.01	Khá	A	B
290	19001902	Nguyễn Văn Lê	Huy	Nam	11/8/2001	Tiền Giang	19C1-KXD1	6.53	Trung bình	A	B
291	19003269	Nguyễn Nhật	Khánh	Nam	30/9/2001	Bình Thuận	19C1-KXD1	5.99	Trung bình	A	B
292	19004099	Phạm Ngọc	Kiên	Nam	02/3/2001	Thanh Hoá	19C1-KXD1	5.98	Trung bình		B
293	19004210	Nguyễn Văn	Lâm	Nam	31/3/2001	Quảng Nam	19C1-KXD1	6.16	Trung bình	A	
294	19003896	Nguyễn Quang	Lợi	Nam	29/01/2001	Bình Định	19C1-KXD1	6.33	Trung bình	A	B
295	19004300	Phan Tấn	Phát	Nam	29/7/2001	Tiền Giang	19C1-KXD1	7.31	Khá	A	B
296	19001934	Huỳnh Văn	Phúc	Nam	27/9/2001	Long An	19C1-KXD1	7.56	Khá	A	B
297	19002897	Lương Công	Phương	Nam	26/10/2001	Quảng Ngãi	19C1-KXD1	7.13	Khá	A	B
298	19003609	Trần Thanh	Phương	Nam	05/8/1990	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KXD1	7.94	Khá	A	
299	19004272	Võ Vinh	Quang	Nam	01/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KXD1	5.95	Trung bình	A	
300	19002960	Võ Phan Duy	Tân	Nam	09/8/2001	Bến Tre	19C1-KXD1	6.99	Trung bình	A	B
301	19003142	Tô Hoài	Thanh	Nam	30/4/2001	Bình Định	19C1-KXD1	6.19	Trung bình	A	B
302	19002864	Nguyễn Thanh	Triều	Nam	02/10/2001	Bến Tre	19C1-KXD1	7.61	Khá	A	B
303	19003063	Võ Quốc	Trung	Nam	05/01/2000	Đồng Nai	19C1-KXD1	6.16	Trung bình	A	B
304	19004250	Nguyễn Nguyên	Vũ	Nam	13/8/2000	Bình Phước	19C1-KXD1	6.46	Trung bình	A	B
305	19002470	Hoàng Mậu Tiến	Anh	Nam	07/8/2001	Đồng Nai	19C1-ANM1	7.12	Khá		
306	19004012	Trần Thành	Bảo	Nam	23/6/2001	Tây Ninh	19C1-ANM1	6.91	Trung bình		
307	19003985	Trần Châu Hữu	Phước	Nam	20/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ANM1	7.37	Khá		
308	19003386	Hồ Hải	Quan	Nam	09/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ANM1	6.71	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
309	19001049	Mai Công	Thức	Nam	02/5/2001	Tiền Giang	19C1-ANM1	6.88	Trung bình		
310	19001670	Lê Quan	Trường	Nam	04/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ANM1	7.34	Khá		
311	19004321	Trần Hồng	Cường	Nam	17/4/2001	Đắk Nông	19C1-CMT1	6.03	Trung bình		B
312	19005033	Nguyễn Phan Khánh	Duy	Nam	20/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1	7.27	Khá		B
313	19005297	Mai Đức	Huy	Nam	17/11/2001	Lâm Đồng	19C1-CMT1	7.42	Khá		
314	19001549	Trần Văn	Khang	Nam	28/12/2000	Bạc Liêu	19C1-CMT1	6.29	Trung bình		B
315	19003973	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	02/11/1998	Tiền Giang	19C1-CMT1	7.44	Khá		B
316	19004084	Lê Quang	Sơn	Nam	17/9/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1	7.31	Khá		B
317	19003092	Trần Minh	Sơn	Nam	16/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1	7.47	Khá		B
318	19002704	Phạm Nhật	Tân	Nam	28/12/1997	Tiền Giang	19C1-CMT1	8.36	Giỏi		B
319	19003621	Nguyễn Cao	Tấn	Nam	21/6/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1	8.35	Giỏi		B
320	19001938	Huỳnh Phước	Trung	Nam	19/5/2001	Trà Vinh	19C1-CMT1	7.64	Khá		B
321	19001772	Nguyễn Văn	Ba	Nam	31/12/2000	Vĩnh Phúc	19C1-LTM1	7.83	Khá		B
322	19003627	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	06/8/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	7.35	Khá		
323	19002709	Nguyễn Văn	Chiêu	Nam	07/3/2001	Long An	19C1-LTM1	6.59	Trung bình		
324	19004041	Cao Hồng	Chương	Nam	11/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	8.21	Giỏi		
325	19002575	Nguyễn Công	Danh	Nam	07/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	7.69	Khá		B
326	19005266	Hà Minh	Đức	Nam	11/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	7.02	Khá		
327	19004148	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	09/01/2001	Đồng Nai	19C1-LTM1	7.53	Khá		B
328	19003597	Phan	Hào	Nam	01/8/2001	Quảng Trị	19C1-LTM1	6.22	Trung bình		
329	19002694	Đoàn Duy	Hoàng	Nam	25/9/2001	Quảng Ngãi	19C1-LTM1	6.59	Trung bình		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
330	19005207	Phạm Quang	Huy	Nam	23/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	8.52	Giỏi		B
331	19003280	Phạm Thành	Khang	Nam	12/01/2001	Bến Tre	19C1-LTM1	6.68	Trung bình		
332	19003349	Nguyễn Duy	Minh	Nam	10/10/2001	Bến Tre	19C1-LTM1	6.94	Trung bình		B
333	19004108	Hà Minh	Nhật	Nam	02/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	6.85	Trung bình		
334	19003007	Thái Minh	Nhựt	Nam	12/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	6.67	Trung bình		
335	19005312	Diệp Minh	Phát	Nam	26/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	7.27	Khá		B
336	19004019	Đỗ Chí	Phong	Nam	17/3/2001	An Giang	19C1-LTM1	6.38	Trung bình		B
337	19001467	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	26/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	7.34	Khá		B
338	19001774	Võ Hồng	Quân	Nam	09/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-LTM1	8.60	Giỏi		B
339	19002110	La Quốc	Thành	Nam	22/5/2001	Bình Phước	19C1-LTM1	6.52	Trung bình		
340	19004689	Bùi Văn	Thìn	Nam	11/01/2001	Nghệ An	19C1-LTM1	7.33	Khá		
341	19003869	Nguyễn Văn Tri	Thức	Nam	01/4/2001	Đồng Nai	19C1-LTM1	5.95	Trung bình		
342	19003293	Lê Nam	Trường	Nam	28/01/2000	Quảng Nam	19C1-LTM1	6.23	Trung bình		
343	19004064	Phan Quang	Vinh	Nam	22/3/2001	Tây Ninh	19C1-LTM1	6.52	Trung bình		
344	19004444	Nguyễn Quốc	Bảo	Nam	02/02/2001	Bình Thuận	19C1-QTM1	8.75	Giỏi		B
345	19001813	Đoàn Văn	Chiến	Nam	22/02/2000	Lâm Đồng	19C1-QTM1	6.34	Trung bình		
346	19003625	Nguyễn Hữu Anh	Hào	Nam	08/8/2001	Bình Phước	19C1-QTM1	6.16	Trung bình		B
347	19002892	Phan Minh	Hiếu	Nam	11/8/2001	Trà Vinh	19C1-QTM1	7.27	Khá		B
348	19001483	Trần Văn	Hoài	Nam	12/6/2000	Đồng Tháp	19C1-QTM1	7.60	Khá		B
349	19004239	Lý Trường	Khang	Nam	17/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTM1	8.87	Giỏi		B
350	19003660	Lê Đăng	Khoa	Nam	26/12/2001	Tây Ninh	19C1-QTM1	7.44	Khá		

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
351	19002070	Trần Vũ	Luân	Nam	24/11/2000	Sóc Trăng	19C1-QTM1	7.89	Khá		B
352	19004159	Huỳnh Kim	Sang	Nam	09/4/1998	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTM1	7.50	Khá		B
353	19001815	Nguyễn Minh	Tân	Nam	28/02/2001	Lâm Đồng	19C1-QTM1	7.18	Khá		B
354	19002394	Trần Quang	Thiện	Nam	30/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTM1	7.02	Khá		
355	19003295	Nguyễn Lê Hoàng	Bảo	Nam	06/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.24	Khá		
356	19002531	Phạm Quốc	Bình	Nam	15/8/2001	Kiên Giang	19C1-TKĐ1	7.51	Khá		B
357	19003264	Trần Ngọc Đức	Du	Nam	22/4/2001	Kiên Giang	19C1-TKĐ1	7.21	Khá		B
358	19003512	Vũ Minh	Đức	Nam	24/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.07	Khá		
359	19002527	Phạm Hoàng	Duy	Nam	04/01/2001	Tiền Giang	19C1-TKĐ1	6.94	Trung bình		B
360	19003160	Nguyễn Lê Thùy	Duyên	Nữ	09/12/2001	Ninh Thuận	19C1-TKĐ1	7.82	Khá		B
361	19001801	Nguyễn Phạm Mỹ	Duyên	Nữ	26/4/2001	Kiên Giang	19C1-TKĐ1	7.48	Khá		
362	19002979	Lê Thị Ngọc	Hân	Nữ	02/3/2001	Sóc Trăng	19C1-TKĐ1	8.05	Giỏi		B
363	19003217	Lê Chí	Hào	Nam	29/7/2001	Bạc Liêu	19C1-TKĐ1	7.54	Khá		
364	19003470	Bùi Thị Diệp	Hoài	Nữ	31/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.69	Khá		
365	19002084	Lê Đỗ Trường	Huy	Nam	13/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.11	Khá		
366	19001550	Đặng Hoàng	Kha	Nam	07/11/2000	Tây Ninh	19C1-TKĐ1	7.44	Khá		
367	19003055	Lê Đăng	Khiêm	Nam	11/12/2001	Tây Ninh	19C1-TKĐ1	6.86	Trung bình		
368	19002306	Trần Văn	Minh	Nam	30/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	6.80	Trung bình		
369	19003028	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	19/10/2001	Sóc Trăng	19C1-TKĐ1	7.47	Khá		B
370	19000792	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	06/6/2000	Long An	19C1-TKĐ1	7.81	Khá		B
371	19002776	Nguyễn Hoài Bảo	Phương	Nam	01/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.89	Khá		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
372	19002599	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	03/9/2001	An Giang	19C1-TKĐ1	7.63	Khá		B
373	19000635	Võ Thanh	Sang	Nam	07/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.95	Khá		B
374	19000037	Ngô Khí	Tài	Nam	23/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.97	Khá		B
375	19003194	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	06/9/2001	Quảng Nam	19C1-TKĐ1	7.28	Khá		B
376	19003404	Trần Thị Ngọc	Thảo	Nữ	10/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	8.53	Giỏi		B
377	19002733	Mai Thùy	Trang	Nữ	01/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	7.03	Khá		B
378	19001993	Nguyễn Đan	Trường	Nam	25/4/2001	Tiền Giang	19C1-TKĐ1	7.70	Khá		B
379	19003327	Trần Thanh	Vũ	Nam	22/6/2001	Bình Thuận	19C1-TKĐ1	6.81	Trung bình		
380	19002399	Nguyễn Lê Thanh	Yến	Nữ	28/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1	8.02	Giỏi		B
381	19004707	Nguyễn Đặng Đông	Anh	Nữ	17/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	7.68	Khá		B
382	19003723	Nguyễn Thế	Anh	Nam	04/02/2001	Kiên Giang	19C1-TKĐ2	7.08	Khá		
383	19005081	Hồ Gia	Huy	Nam	18/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	7.08	Khá		B
384	19003788	Lưu Như	Linh	Nữ	11/5/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	7.51	Khá		
385	19002855	Phạm Thanh	Phúc	Nam	12/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	7.37	Khá		
386	19003938	Phạm Tấn	Tài	Nam	11/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	7.36	Khá		B
387	19003662	Huỳnh Minh	Tâm	Nam	18/01/2001	Quảng Ngãi	19C1-TKĐ2	7.04	Khá		
388	19003884	Tôn Nữ Anh	Thư	Nữ	01/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	7.86	Khá		B
389	19005308	Tạ Minh	Tiến	Nam	22/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2	8.03	Giỏi		
390	19001867	Lê Văn	Tính	Nam	22/12/2000	An Giang	19C1-TKĐ2	7.39	Khá		
391	19004488	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	27/9/2001	Kiên Giang	19C1-TKĐ2	7.24	Khá		
392	19003942	Nguyễn Ngọc	Tuấn	Nam	23/8/2001	Bình Định	19C1-TKĐ2	6.86	Trung bình		B

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN	Chứng chỉ	
										TH	TA
393	19001183	Lê Quý	Đôn	Nam	20/4/1994	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKW1	8.35	Giỏi		B
394	19004455	Nguyễn Khắc	Hoàng	Nam	15/01/1998	Đồng Nai	19C1-TKW1	8.04	Giỏi		B
395	19003745	Trần Quốc	Khánh	Nam	02/12/2001	Đắk Nông	19C1-TKW1	6.33	Trung bình		B
396	19003516	Trần Thị Kim	Loan	Nữ	09/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKW1	6.46	Trung bình		
397	19003568	Bùi Thanh	Lộc	Nam	27/8/2000	Bình Định	19C1-TKW1	6.50	Trung bình		B
398	19003221	Nguyễn Quốc	Lợi	Nam	12/9/2001	Đồng Tháp	19C1-TKW1	7.24	Khá		B
399	19003117	Lưu Gia	Lực	Nam	11/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKW1	7.41	Khá		B
400	19002986	Hồ Quốc	Nam	Nam	09/4/2001	An Giang	19C1-TKW1	5.81	Trung bình		B
401	19003640	Nguyễn Văn	Nam	Nam	31/7/1999	Kon Tum	19C1-TKW1	6.19	Trung bình		B
402	19003653	Võ Thành	Quang	Nam	15/10/2001	Đắk Nông	19C1-TKW1	6.70	Trung bình		B
403	19002937	Chạc Đậu	Thành	Nam	07/3/2001	Bình Thuận	19C1-TKW1	7.07	Khá		
404	19005085	Nguyễn Thị	Thuận	Nữ	10/4/2000	Nghệ An	19C1-TKW1	6.48	Trung bình		B
405	19002371	Bùi Văn	Tiến	Nam	20/5/2001	Hải Dương	19C1-TKW1	6.62	Trung bình		B
406	19005325	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	22/7/2000	Nghệ An	19C1-TKW1	7.13	Khá		B

Tổng cộng danh sách có 406 sinh viên

Trong đó:

Giỏi	15	3.7 %
Khá	137	33.7 %
Trung bình	254	62.6 %